

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

Số: 62 /TTr-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thanh Hoá, ngày 17 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH

**Đề nghị quyết định chủ trương đầu tư dự án Khu điều trị
Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ quy định của Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014; Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Luật Khám chữa bệnh ngày 23/11/2009;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình MTQG giai đoạn 2016 - 2020; số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư; số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ; số 85/2012/NĐ-CP ngày 15/10/2012 về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập và giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập; số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 quy định quy chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 30/2008/QĐ-TTg ngày 22/02/2008 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển mạng lưới khám, chữa bệnh đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020; số 92/QĐ-TTg ngày 09/01/2013 về việc phê duyệt đề án giảm tải bệnh viện giai đoạn 2013 - 2020;

Trên cơ sở đề nghị của Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc tại Tờ trình số 157/TTr-BVNL ngày 01/4/2019 (kèm theo báo cáo kết quả thẩm định đề xuất chủ trương đầu tư của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 1694/SKHĐT-VX ngày 28/3/2019 và các hồ sơ liên quan), UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định chủ trương đầu tư dự án Khu điều trị Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc, với các nội dung chính như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Sự cần thiết phải đầu tư

Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc là cơ sở y tế tuyến tỉnh, có nhiệm vụ khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân khu vực miền núi, các huyện lân cận và nước bạn Lào. Trong những năm qua, Bệnh viện đã được quan tâm đầu tư cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ và nguồn huy động hợp pháp của đơn vị, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh với công suất 400 giường bệnh, góp phần cải thiện đáng kể chất lượng khám chữa bệnh cho nhân dân. Tuy nhiên, hiện nay lưu lượng bệnh nhân đến khám, chữa bệnh tại Bệnh viện rất lớn, số bệnh nhân điều trị nội trú dao động từ 800 - 950 bệnh nhân/ngày, nên cơ sở vật chất hiện có không đảm bảo điều kiện khám chữa bệnh cho nhân dân, ảnh hưởng đến chất lượng khám chữa bệnh của bệnh viện. Mặt khác, theo Quyết định số 2782/QĐ-UBND ngày 3/7/2018 và Quyết định số 5364/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc điều chỉnh quy mô giường bệnh và số lượng người làm việc của các bệnh viện công lập tỉnh Thanh Hóa thực hiện cơ chế tự chủ, giai đoạn 2018 - 2020, đến năm 2020 Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc có quy mô 640 giường và thực hiện tự chủ 70% kinh phí chi thường xuyên. Vì vậy, để nâng cao chất lượng khám và chữa bệnh, đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân khu vực miền núi, các huyện lân cận và nước bạn Lào, giảm tỷ lệ bệnh nhân phải chuyển tuyến điều trị, việc đầu tư Khu điều trị Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc là thực sự cần thiết.

2. Sự phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và quy hoạch phát triển ngành

Việc đầu tư dự án Khu điều trị Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc là phù hợp với Quy hoạch phát triển mạng lưới khám, chữa bệnh đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020 và đề án giảm tải bệnh viện giai đoạn 2013 - 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định: số 30/2008/QĐ-TTg ngày 22/02/2008; số 92/QĐ-TTg ngày 9/01/2013 và Quyết định số 5364/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc điều chỉnh quy mô giường bệnh và số lượng người làm việc của các bệnh viện công lập tỉnh Thanh Hóa thực hiện cơ chế tự chủ, giai đoạn 2018 - 2020 được phê duyệt tại Quyết định số 2782/QĐ-UBND ngày 3/7/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Các thông tin chung của dự án

3.1. Tên dự án: Khu điều trị Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc.

3.2. Chủ đầu tư: Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

Đây là dự án đầu tư thuộc lĩnh vực y tế và Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc là đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng công trình sau khi hoàn thành đưa vào sử dụng, nên việc giao Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc làm chủ đầu tư là phù hợp.

3.3. Mục tiêu đầu tư: xây dựng cơ sở vật chất nhằm đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân khu vực miền núi, các huyện lân cận và nước bạn Lào, giảm tỷ lệ bệnh nhân phải chuyển tuyến điều trị.

3.4. Quy mô đầu tư: đầu tư xây mới khu điều trị 9 tầng, diện tích sàn khoảng 9.721 m², quy mô 240 giường bệnh.

3.5. Địa điểm đầu tư: trong khuôn viên Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

3.6. Nhóm dự án: B.

3.7. Dự kiến tổng mức đầu tư: không quá 130.000 triệu đồng.

Dự kiến tổng mức đầu tư dự án nêu trên được xác định trên cơ sở suất vốn đầu tư do Bộ Xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 1291/QĐ-BXD ngày 12/10/2018 và một số công trình có tính chất tương tự đang triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh; phương pháp xác định tổng mức đầu tư phù hợp với quy định tại Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng.

3.8. Nguồn vốn và cơ cấu vốn đầu tư

a) *Nguồn vốn*: vốn ngân sách tỉnh (vốn đầu tư công, vốn sự nghiệp y tế) và Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Bệnh viện.

Đây là dự án thuộc lĩnh vực y tế, nên việc bố trí vốn đầu tư dự án từ nguồn vốn đầu tư công, vốn sự nghiệp y tế hàng năm và Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Bệnh viện là phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật.

b) *Cơ cấu nguồn vốn*

- Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ 70% tổng mức đầu tư dự án (khoảng 91.000 triệu đồng), trong đó: giai đoạn 2020 - 2021 hỗ trợ 45.500 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp y tế; phần vốn còn thiếu (45.500 triệu đồng) sẽ bố trí từ nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025.

- Nguồn vốn từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc và các nguồn huy động hợp pháp khác đảm nhận 30% tổng mức đầu tư dự án (khoảng 39.000 triệu đồng).

3.9. Khả năng cân đối vốn

Hiện nay, UBND tỉnh đang chỉ đạo thực hiện Đề án cơ chế tự tại các bệnh viện, nên nguồn vốn sự nghiệp y tế giai đoạn 2020 - 2021 có thể bố trí được khoảng 45.500 triệu đồng. Mặt khác, Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc có cam kết trích khoảng 39.000 triệu đồng từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị để đầu tư dự án; số vốn còn thiếu sẽ được bố trí từ nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2023. Như vậy, với tổng mức đầu tư dự án khoảng 130.000 triệu đồng là phù hợp với khả năng cân đối vốn ngân sách tỉnh (nguồn vốn đầu tư công, vốn sự nghiệp y tế) và nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc.

3.10. Dự kiến thời gian thực hiện: không quá 5 năm (2019 - 2023).

Việc xác định thời gian thực hiện dự án nêu trên là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 13 Nghị Định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm, trong đó quy định: thời gian bố trí vốn để hoàn thành dự án nhóm B có tổng mức đầu tư dưới 800 tỷ đồng là không quá 5 năm.

4. Phân tích, đánh giá sơ bộ tác động về môi trường, xã hội; xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội

4.1. Việc thi công công trình sẽ có ảnh hưởng nhất định đến môi trường xung quanh nhưng không lớn và không kéo dài, mà chỉ mang tính tạm thời trong thời gian xây dựng; đồng thời, Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc đã đề xuất các biện pháp đảm bảo môi trường trong quá trình thực hiện. Sau khi dự án hoàn thành đưa vào sử dụng, toàn bộ nước thải sinh hoạt, chất thải rắn, chất thải y tế phát sinh từ hoạt động khám, chữa bệnh sẽ được thu gom, xử lý qua hệ thống xử lý nước thải y tế, hệ thống xử lý rác thải rắn hiện có của Bệnh viện, đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định, không gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

4.2. Dự án được triển khai xây dựng sẽ đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân khu vực miền núi, các huyện lân cận và nước bạn Lào, nâng cao chất lượng chuyên môn, giảm tỷ lệ bệnh nhân phải chuyển tuyến điều trị, góp phần xây dựng huyện Ngọc Lặc trở thành đô thị cửa ngõ phía Tây của tỉnh.

II. QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI XÂY DỰNG BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ VÀ TRÌNH PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN

1. UBND tỉnh nhận được Tờ trình số 88/TTr-BVNL ngày 01/3/2019 của Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc đề nghị phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Khu điều trị Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

2. UBND tỉnh đã giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu, thẩm định đề xuất chủ trương đầu tư dự án, theo đúng quy định tại Khoản 2 Điều 29 Luật Đầu tư công.

3. Trên cơ sở báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư của Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tổ chức thẩm định và có báo cáo kết quả thẩm định đề xuất chủ trương đầu tư dự án tại Công văn số 1694/SKHĐT-VX ngày 28/3/2019 (kèm theo ý kiến tham gia của Sở Tài chính tại Công văn số 1052/STC-QLNS.TTK ngày 28/3/2019; của Sở Xây dựng tại Công văn số 1578/SXD-HĐXD ngày 27/3/2019; của Sở Y tế tại Công văn số 701/SYT-KHTC ngày 25/3/2019). Nội dung báo cáo thẩm định đề xuất chủ trương đầu tư của Sở Kế hoạch và Đầu tư đảm bảo theo đúng quy định tại Điều 24 Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ.

4. Trên cơ sở kết quả thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc đã hoàn chỉnh hồ sơ

theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ và có Tờ trình số 157/TTr-BVĐK ngày 01/4/2019 đề nghị phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.

5. Dự án đầu tư Khu điều trị Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc thuộc lĩnh vực y tế, có dự kiến tổng mức đầu tư 130.000 triệu đồng, thuộc tiêu chí dự án nhóm B (quy định tại Khoản 4 Điều 9 Luật Đầu tư công), thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân tỉnh, quy định tại Điểm b Khoản 5 Điều 17 Luật Đầu tư công.

III. DANH MỤC HỒ SƠ KÈM THEO

1. Tờ trình số 157/TTr-BVNL ngày 01/4/2019 của Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc.

2. Công văn số 1694/SKHĐT-VX ngày 28/3/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

3. Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Khu điều trị Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc.

4. Bản cam kết dự tính nguồn tiết kiệm đối ứng đầu tư dự án Khu điều trị Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc.

5. Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án Khu điều trị Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc (kèm theo báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp).

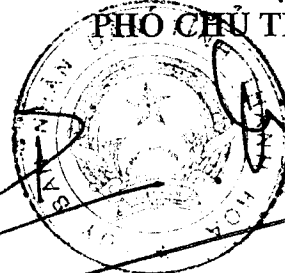
Sau khi HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án theo thẩm quyền, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các ngành, đơn vị liên quan triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

Kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Y tế;
- Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc;
- Lưu: VT, THKH.
(10505.2018)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Đăng Quyền

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /NQ-HĐND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2019

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Về việc quyết định chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Khu điều trị
Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về
Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ
về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về
quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ về
sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của
Chính phủ về Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm, số 136/2015/NĐ-
CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật
Đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế
đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương
trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2019 của UBND
tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Khu điều trị
Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc; báo cáo thẩm tra số..../BC-HĐND ngày
.... tháng ... năm... của Ban Văn hóa - Xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến
thảo luận của Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Quyết định chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Khu điều trị
Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc với các nội dung chính như sau:

1. Tên dự án: Đầu tư xây dựng Khu điều trị Bệnh viện Đa khoa khu vực
Ngọc Lặc.

2. Chủ đầu tư: Bệnh viện Đa khoa Khu vực Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

3. Mục tiêu đầu tư: Xây dựng cơ sở vật chất nhằm đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân khu vực miền núi, các huyện lân cận và nước bạn Lào, giảm tỷ lệ bệnh nhân phải chuyển tuyến điều trị.

4. Quy mô đầu tư: Đầu tư xây mới khu điều trị 9 tầng, diện tích sàn khoảng 9.721 m², quy mô 240 giường bệnh.

5. Địa điểm đầu tư: Tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc.

6. Nhóm dự án: B.

7. Tổng mức đầu tư: Không quá 130.000 triệu đồng.

8. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 70% tổng mức đầu tư (khoảng 91.000 triệu đồng), trong đó: Giai đoạn 2020 - 2021, vốn sự nghiệp y tế 45.500 triệu đồng, phần vốn còn thiếu sẽ bố trí từ nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 (45.500 triệu đồng); Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc đảm nhận 30% tổng mức đầu tư từ Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị (khoảng 39.000 triệu đồng).

9. Thời gian thực hiện: 2019 - 2023.

Điều 2: Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này, tổ chức triển khai theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa Khóa XVII, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày.... tháng... năm và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các Sở: KHĐT, XD, TC, GDĐT, TNMT;
- UBND huyện Ngọc Lặc;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Trịnh Văn Chiến

Số: 208/BCTĐ-STP

Thanh Hóa, ngày 22 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Dự thảo Nghị quyết về việc quyết định chủ trương đầu tư
Dự án đầu tư xây dựng Khu điều trị Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thanh Hóa.

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 1988/KHĐT-VX ngày 10/4/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc thẩm tra dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Khu điều trị Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc. Sau khi nghiên cứu dự thảo, căn cứ các văn bản pháp luật có liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

1. Về thẩm quyền ban hành văn bản:

Khoản 5, Điều 17 Luật Đầu tư công năm 2014 quy định:

"5. Hội đồng nhân dân các cấp quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sau đây:

...

b) Dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C thuộc cấp mình quản lý, trừ các dự án quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này".

Dự án đầu tư xây dựng Khu điều trị Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc là dự án nhóm B. Do vậy, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về việc quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án này là đúng thẩm quyền.

2. Về nội dung văn bản:

Nội dung dự thảo đã quy định được đầy đủ mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, tổng mức đầu tư, địa điểm đầu tư, nguồn vốn đầu tư, thời gian thực hiện dự án, phù hợp với quy định của pháp luật đầu tư công.

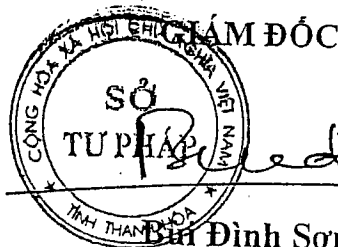
3. Về thể thức và kỹ thuật trình bày:

Dự thảo đã đảm bảo về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Kính chuyển Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, XDVB.





Ký bởi: Văn phòng Ủy ban Nhân dân
04/04/2019 15:48:35

SỞ Y TẾ THANH HÓA
BỆNH VIỆN ĐA KHOA NGỌC LẶC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số 157/TTTr- BVNL

Ngọc Lặc, ngày 04 tháng 04 năm 2019

TỜ TRÌNH

Quyết định chủ trương đầu tư dự án Khu điều trị
Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc

UBND TỈNH THANH HÓA

CÔNG VĂN ĐẾN

Số:.....10505.....

Ngày:.....04/...4.../...19...

Kính gửi: UBND tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ luật đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/06/2014; Nghị định số 136/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính Phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Căn cứ luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Nghị định số 59/2015/NĐ-CP của Chính Phủ, ngày 18 tháng 6 năm 2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 32/NĐ-CP ngày 25/03/2015 của Chính phủ về việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Văn bản số 1101/BKHĐT-TH ngày 02/3/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn phê duyệt chủ trương và quyết định đầu tư dự án đầu tư công;

Căn cứ quyết định số: 5364/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc điều chỉnh quy mô giường bệnh và số lượng người làm việc của các bệnh viện công lập tỉnh Thanh Hóa thực hiện theo cơ chế tự chủ, giai đoạn 2018-2020 được phê duyệt tại quyết định 2782/QĐ-UBND ngày 03/7/2018;

Căn cứ quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt phương án xác định quy mô giường bệnh, vị trí việc làm, cơ cấu chức năng nghề nghiệp viên chức và số lượng người làm việc của Bệnh viện Đa khoa Khu vực Ngọc Lặc thực hiện theo cơ chế tự chủ, giai đoạn 2018-2020;

Căn cứ Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 4470:2012 về thiết kế bệnh viện đa khoa, ban hành theo Quyết định số 3621/QĐ-BKHCN ngày 28/12/2012 của Bộ khoa học công nghệ;

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng Khu điều trị Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc số 1694/SHKĐT-VX ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa.



Bệnh viện Đa khoa Khu vực Ngọc Lặc kính đề nghị UBND tỉnh Thanh Hóa xem xét, phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Khu điều trị - Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc, với các nội dung sau:

1. Tên dự án: Đầu tư xây dựng Khu điều trị - Bệnh viện Đa khoa Khu vực Ngọc Lặc.

2. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: UBND tỉnh Thanh Hóa

3. Chủ đầu tư: Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc.

4. Mục tiêu đầu tư:

Nhằm cung cấp dịch vụ y tế, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, đáp ứng nhu cầu khám bệnh và chữa bệnh của nhân dân.

Nâng cao công suất phục vụ, giảm quá tải cho Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc, giảm thiểu việc chuyển bệnh nhân lên tuyến trên.

Đáp ứng yêu cầu khám và điều trị nhân dân 11 huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa và biên giới Việt-Lào, đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh với quy mô 640 giường nội trú theo Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

5. Quy mô đầu tư:

- Diện tích sử dụng đất: S= 1950 m² (65m x 30m)

- Diện tích xây dựng: 9721 m²

- Số tầng: 09 tầng

6. Hình thức đầu tư: Xây dựng mới.

7. Tổng mức đầu tư: 129.691.069.000 đồng

Bằng chữ: Một trăm hai mươi chín tỷ sáu trăm chín mươi một triệu không trăm sáu mươi chín nghìn đồng chẵn ./.

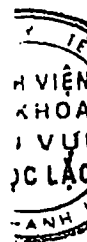
Trong đó:

- Chi phí xây dựng	:	83.128.500.000 đồng
- Chi phí thiết bị	:	22.500.000.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án	:	2.076.558.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	:	6.331.653.000 đồng
- Chi phí khác	:	3.909.715.000 đồng
- Chi phí dự phòng	:	11.744.643.000 đồng

8. Cơ cấu nguồn vốn:

- Vốn đối ứng của đơn vị: 38.691.069.000 đồng

- Vốn ngân sách tỉnh : 91.000.000.000 đồng



9. Địa điểm đầu tư: Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc, Phố Lê Duẩn, thị trấn Ngọc Lặc, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

10. Thời gian thực hiện đầu tư: Năm 2019-2023

11. Phân kỳ nguồn vốn đầu tư và tiến độ thực hiện

- Năm 2019-2021: Phê duyệt chủ trương đầu tư, kế hoạch lựa chọn nhà thầu, lựa chọn nhà thầu khảo sát thiết kế, thi công xây dựng, giám sát, khởi công công trình; Chủ đầu tư bố trí nguồn vốn: 20 tỷ đồng, Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ (Vốn sự nghiệp y tế) : 45,5 tỷ đồng

- Năm 2021-2023: Tiếp tục triển khai và hoàn thành dự án; Chủ đầu tư bố trí nguồn vốn: 18,7 tỷ đồng, Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ (Nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025): 45,5 tỷ đồng.

12. Các nội dung khác và tài liệu thuyết minh về dự án gửi kèm theo:

- Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư .
- Báo cáo thẩm định nội bộ
- Báo cáo kết quả thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư và các tài liệu khác kèm theo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu



Hoàng Văn Minh





Ký bởi: Văn phòng Ủy ban Nhân dân
01/04/2019 15:42:46

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Số: 169 /SKHĐT-VX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 27 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
Dự án đầu tư xây dựng Khu điều trị Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc

UBND TỈNH THANH HÓA

CÔNG VĂN ĐẾN

Số:.....9915.....

Ngày:....04./..4.....19..

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Văn bản số 2853/UBND-THKH ngày 13/3/2019 về việc giao tham mưu chủ trương đầu tư Dự án xây dựng Khu điều trị Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc; sau khi nghiên cứu các tài liệu có liên quan và tổng hợp ý kiến tham gia thẩm định của Sở Y tế, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, UBND huyện Ngọc Lặc, Sở Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến về kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Khu điều trị Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc như sau:

Phần thứ nhất
TÀI LIỆU THẨM ĐỊNH VÀ TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH

I. HỒ SƠ TÀI LIỆU THẨM ĐỊNH

1. Tờ trình số 88/TTr-BVNL ngày 1/3/2019 của Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc;
2. Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án;
3. Báo cáo thẩm định nội bộ;
4. Các tài liệu liên quan khác.

II. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ THẨM ĐỊNH

1. Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13;
2. Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;
3. Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;
4. Căn cứ Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm, số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế



đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

5. Căn cứ Quyết định số 30/2008/QĐ-TTg ngày 22/2/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển mạng lưới khám, chữa bệnh đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020;

6. Căn cứ Quyết định số 92/QĐ-TTg ngày 9/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án giảm tải bệnh viện giai đoạn 2013 - 2020;

7. Quyết định số 5364/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc điều chỉnh quy mô giường bệnh và số lượng người làm việc của các bệnh viện công lập tỉnh Thanh Hóa thực hiện cơ chế tự chủ, giai đoạn 2018 - 2020 được phê duyệt tại Quyết định số 2782/QĐ-UBND ngày 3/7/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.

III. TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH

1. Đơn vị chủ trì: Sở Kế hoạch và Đầu tư.
2. Đơn vị phối hợp thẩm định: Sở Tài chính, Sở Xây dựng và Sở Y tế.
3. Hình thức thẩm định: Lấy ý kiến tham gia thẩm định bằng văn bản.

Phần thứ hai

Ý KIẾN THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN XÂY DỰNG KHU ĐIỀU TRỊ BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC NGỌC LẶC

I. MÔ TẢ THÔNG TIN CHUNG CỦA DỰ ÁN

1. Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng Khu điều trị Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc.
2. Dự án nhóm: B.
3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: HĐND tỉnh Thanh Hóa.
4. Cấp quyết định đầu tư dự án: UBND tỉnh Thanh Hóa.
5. Tên chủ đầu tư: Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc.
6. Địa điểm thực hiện dự án: Tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc.
7. Dự kiến tổng mức đầu tư: 142.882 triệu đồng.
8. Nguồn vốn đề nghị thẩm định: Vốn ngân sách tỉnh là 102.882 triệu đồng, vốn đối ứng của đơn vị là 40.000 triệu đồng.
9. Lĩnh vực: Y tế
10. Thời gian thực hiện: 2019 - 2021.
11. Hình thức đầu tư của dự án: Đầu tư công.

II. TỔNG HỢP Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA CÁC NGÀNH

Sau khi nhận được hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư Dự án xây dựng Khu điều trị Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tổ chức kiểm tra thực tế và xin ý kiến tham gia thẩm định của Sở Tài chính, Xây dựng và Y tế tại Văn bản số 1398/SKHĐT-VX ngày 15/3/2019; trên cơ sở hồ sơ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án và kết quả kiểm tra thực tế các ngành có ý kiến như sau:

1. **Sở Tài chính** (Văn bản số 1052/STC-QLNS.TTK ngày 28/3/2019): Việc đầu tư xây dựng khu điều trị Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc là cần thiết; quy mô: 240 giường bệnh; tổng mức đầu tư: không quá 130 tỷ đồng; nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 70% tổng mức đầu tư (nhưng không quá 91 tỷ đồng), trong đó: Vốn đầu tư xây dựng cơ bản trong kế hoạch đầu tư công hàng năm đảm bảo 50%, vốn sự nghiệp y tế trong dự toán ngân sách tỉnh hàng năm đảm bảo 50%, phần còn lại do Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc đảm nhận từ Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị; thời gian thực hiện: 2019 - 2021.

2. **Sở Y tế** (Văn bản số 701/SYT-KHTC ngày 25/3/2019): Thống nhất sự cần thiết đầu tư và quy mô đầu tư; để đảm bảo tính khả thi của dự án, đề nghị Bệnh viện Đa khoa Khu vực Ngọc Lặc cần đẩy mạnh các giải pháp quản lý, sử dụng nguồn lực và tiết kiệm chi thường xuyên để đảm bảo có đủ vốn đối ứng cho dự án và đảm bảo lộ trình thực hiện cơ chế tự chủ được Chủ tịch UBND tỉnh quy định tại Quyết định số 2782/QĐ-UBND ngày 23/7/2018; số 5364/QĐ-UBND ngày 28/12/2018, số 167/QĐ-UBND ngày 11/01/2019.

3. **Sở Xây dựng** (Văn bản số 1578/SXD-HĐXD ngày 27/3/2018): Thống nhất sự cần thiết đầu tư và quy mô đầu tư; về tổng mức đầu tư: Phương pháp lập tổng mức đầu tư xây dựng được thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng; tuy nhiên, đề nghị bổ sung dữ liệu về chi phí của công trình tương tự đã thực hiện gần đây trên địa bàn tỉnh để có cơ sở tính tổng mức đầu tư đảm bảo hiệu quả của dự án.

4. **UBND huyện Ngọc Lặc** (Văn bản số 400/UBND-KTHT ngày 15/3/2018): Thống nhất chủ trương, quy mô đầu tư của dự án.

III. Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

1. Sự cần thiết đầu tư

Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc là cơ sở y tế tuyến tỉnh, có nhiệm vụ khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân khu vực miền núi, các huyện lân cận và nước bạn Lào. Trong những năm qua, Bệnh viện được quan tâm đầu tư cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất từ nguồn vốn trái phiếu Chính phủ, ngân sách Nhà nước và nguồn huy động hợp pháp của đơn vị để đáp ứng công suất 400 giường bệnh, góp phần cải thiện đáng kể chất lượng khám chữa bệnh cho nhân dân. Tuy nhiên, hiện nay lưu lượng bệnh nhân đến khám, chữa bệnh tại Bệnh viện rất lớn, số lượng bệnh nhân điều trị nội trú từ 800 - 950 bệnh

11/01/2019
KẾ
VÀ
ĐẦU TƯ

nhân/ngày nên cơ sở vật chất hiện tại không đảm bảo điều kiện khám chữa bệnh cho nhân dân, ảnh hưởng đến chất lượng khám chữa bệnh của bệnh viện; mặt khác, theo Quyết định số 2782/QĐ-UBND ngày 3/7/2018, số 5364/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 về việc điều chỉnh quy mô giường bệnh và số lượng người làm việc của các bệnh viện công lập tỉnh Thanh Hóa thực hiện cơ chế tự chủ, giai đoạn 2018 - 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh, đến năm 2020 Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc có quy mô giường bệnh là 640 giường và thực hiện tự chủ 70% kinh phí chi thường xuyên. Vì vậy, để nâng cao chất lượng khám và chữa bệnh, đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân khu vực miền núi, các huyện lân cận và nước bạn Lào, giảm tỷ lệ bệnh nhân phải chuyển tuyến điều trị thì việc đầu tư khu điều trị nội trú Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc là cần thiết.

2. Sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong nội dung hồ sơ trình thẩm định

Nội dung Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Khu điều trị Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc do Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc lập cơ bản đảm bảo các nội dung theo quy định tại Điều 36 Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 và Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

3. Sự phù hợp với các mục tiêu chiến lược; kế hoạch và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội địa phương và quy hoạch phát triển ngành

Dự án đầu tư xây dựng Khu điều trị Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc do Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc đề xuất chủ trương đầu tư phù hợp với Quy hoạch phát triển mạng lưới khám, chữa bệnh đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020 và Đề án giảm tải bệnh viện giai đoạn 2013 - 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại các Quyết định số 30/2008/QĐ-TTg ngày 22/02/2008, số 92/QĐ-TTg ngày 9/01/2013, Quyết định số 5364/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc điều chỉnh quy mô giường bệnh và số lượng người làm việc của các bệnh viện công lập tỉnh Thanh Hóa thực hiện cơ chế tự chủ, giai đoạn 2018 - 2020 được phê duyệt tại Quyết định số 2782/QĐ-UBND ngày 3/7/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.

4. Sự phù hợp với tiêu chí phân loại dự án

Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 9 Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 thì Dự án đầu tư xây dựng khu điều trị Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc thuộc dự án nhóm B.

5. Các nội dung chủ yếu của báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư

5.1. Mục tiêu, quy mô và địa điểm đầu tư

- *Mục tiêu đầu tư:* Xây dựng cơ sở vật chất nhằm đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân khu vực miền núi, các huyện lân cận và nước bạn Lào, giảm tỷ lệ bệnh nhân phải chuyển tuyến điều trị.

- *Về quy mô đầu tư:* Theo Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc đề nghị đầu tư xây dựng mới khu điều trị 9 tầng với quy mô 240 giường bệnh, diện tích sàn khoảng 9.721 m² để đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất đáp ứng quy mô 640 giường là phù hợp với quy mô giường bệnh đã được Chủ tịch phê duyệt tại Quyết định số 5364/QĐ-UBND ngày 28/12/2018.

- *Địa điểm đầu tư:* Tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc.

5.2. Dự kiến tổng mức đầu tư và nguồn vốn thực hiện dự án

- *Về dự kiến tổng mức đầu tư:* Chủ đầu tư xác định tổng mức đầu tư dự án trên khoảng 142.882 triệu đồng, trong đó: Chi phí xây dựng công trình mới: 88.605 triệu đồng (bình quân 9,2 triệu đồng/m² sàn), chi phí phá dỡ và xây dựng công trình tạm: 4.000 triệu đồng, chi phí thiết bị: 24.000 triệu đồng. Tuy nhiên, để tiết kiệm chi phí, đề nghị không đầu tư xây dựng nhà làm việc tạm cho các phòng ban di rời; đồng thời sau khi rà soát lại mức đầu tư của các trang thiết bị theo báo giá thiết bị của các nhà cung cấp trên thị trường và căn cứ vào suất vốn đầu tư do Bộ Xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 1291/QĐ-BXD ngày 12/10/2018 và các công trình có tính chất tương tự đã triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh thì tổng mức đầu tư của dự án khoảng 130.000 triệu đồng là phù hợp với quy mô đầu tư của dự án và có thể xem xét, chấp nhận được trong bước xem xét, quyết định chủ trương đầu tư.

- *Về nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn:* Ngân sách tỉnh hỗ trợ 70% tổng mức đầu tư (khoảng 91.000 triệu đồng), trong đó: Giai đoạn 2020 - 2021, vốn sự nghiệp y tế: 45.500 triệu đồng, phần vốn còn thiếu sẽ bố trí từ nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 (45.500 triệu đồng); Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc đảm nhận 30% tổng mức đầu tư từ Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị (khoảng 39.000 triệu đồng).

- *Về khả năng cân đối vốn:* Trong giai đoạn 2019 - 2021 sẽ triển khai thực hiện dự án từ vốn sự nghiệp y tế và Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị đã được Sở Tài chính thống nhất tại Văn bản số 1052/STC-QLNS.TTK ngày 28/3/2019 và Văn bản cam kết đối ứng vốn đầu tư của Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc ngày 25/3/2019; đối với phần vốn còn thiếu sẽ bố trí từ nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025. Như vậy, với tổng mức đầu tư của dự án khoảng 130.000 triệu đồng là phù hợp với khả năng cân đối ngân sách tỉnh và nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc.

5.3. Dự kiến tiến độ triển khai thực hiện dự án

Chủ đầu tư dự kiến thời gian thực hiện các dự án trên trong 3 năm (năm 2019 - 2021). Tuy nhiên, để phù hợp với tình hình thực tế và quy định thực hiện dự án nhóm B được triển khai không quá 5 năm; đề nghị chủ đầu tư điều chỉnh lại thời gian thực hiện dự án là không quá 5 năm (2019 - 2023) cho phù hợp với tình hình thực tế.

101
S
H
D
11

6. Phân tích, đánh giá sơ bộ tác động về môi trường, xã hội; xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội

- Việc thi công công trình sẽ có ảnh hưởng nhất định đến môi trường xung quanh; tuy nhiên chủ đầu tư chưa đề xuất các biện pháp đảm bảo môi trường trong quá trình thực hiện và sau khi dự án hoàn thành đưa vào sử dụng để đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định, không gây ảnh hưởng đến môi trường khu vực xung quanh. Vì vậy, đề nghị Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc bổ sung nội dung đánh giá sơ bộ tác động về môi trường, xã hội vào báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

- Dự án được triển khai xây dựng sẽ đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân khu vực miền núi, các huyện lân cận và nước bạn Lào, nâng cao chất lượng chuyên môn, giảm tỷ lệ bệnh nhân phải chuyển tuyến điều trị, góp phần xây dựng huyện Ngọc Lặc trở thành đô thị cửa ngõ phía Tây của tỉnh.

IV. Kết luận và kiến nghị

1. Kết luận

Trên cơ sở đánh giá và phân tích các nội dung Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư nêu trên, Sở Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến về Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Khu điều trị Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc với những nội dung chính như sau:

- Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng Khu điều trị Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc;

- Chủ đầu tư: Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc;

- Mục tiêu đầu tư: Xây dựng cơ sở vật chất nhằm đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân khu vực miền núi, các huyện lân cận và nước bạn Lào, giảm tỷ lệ bệnh nhân phải chuyển tuyến điều trị;

- Quy mô đầu tư: Đầu tư xây mới khu điều trị 9 tầng, diện tích sàn khoảng 9.721 m², quy mô 240 giường bệnh;

- Nhóm dự án: B;

- Dự kiến tổng mức đầu tư: Không quá 130.000 triệu đồng;

- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 70% tổng mức đầu tư (khoảng 91.000 triệu đồng), trong đó: Giai đoạn 2020 - 2021, vốn sự nghiệp y tế: 45.500 triệu đồng, phần vốn còn thiếu sẽ bố trí từ nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 (45.500 triệu đồng); Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc đảm nhận 30% tổng mức đầu tư từ Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị (khoảng 39.000 triệu đồng);

- Địa điểm đầu tư: Tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc

- Dự kiến thời gian thực hiện dự án: 2019 - 2023.

2. Kiến nghị

Trên đây là nội dung kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng khu điều trị Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc; đề nghị Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc nghiên cứu hoàn chỉnh Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án theo ý kiến thẩm định nêu trên và ý kiến tham gia của các ngành (*có bản sao kèm theo*), hoàn thiện hồ sơ, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, trình HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án trên theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, VX.

CHỖ ĐÓC



Hoàng Văn Hùng

QU
Ơ
O/
ẤU
HAY

SỞ Y TẾ THANH HÓA
BỆNH VIỆN ĐKKV NGỌC LẶC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự Do- Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

Dự án ĐTXD: Khu điều trị Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc

Địa điểm XD: Phố Lê Duẩn, thị trấn Ngọc Lặc, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

Chủ đầu tư: Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc

Ngọc Lặc, tháng 3 năm 2019



PHẦN I

SỰ CẦN THIẾT VÀ MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

I. CÁC CĂN CỨ LẬP DỰ ÁN, CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số: 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/03/2016 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định 37/2010/NĐ-CP về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Thủ tướng Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư;

Căn cứ Quyết định số: 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017 của Bộ Xây dựng về việc công bố Định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng công trình.

Căn cứ Thông tư số 05/2011/TT-BXD ngày 09/06/2011 của Bộ Xây dựng v/v quy định việc kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công tác khảo sát lập bản đồ địa hình phục vụ quy hoạch chi tiết và thiết kế xây dựng;

Căn cứ Quyết định số: 3595/QĐ-UBND ngày 01/11/2011 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc Công bố đơn giá xây dựng công trình – phần khảo sát xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1474/QĐ-UBND ngày 29/4/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc Công bố điều chỉnh đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số: 30/2008/QĐ-TTg ngày 22/02/2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch mạng lưới khám chữa bệnh đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số: 92/2013/QĐ-TTg ngày 09/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án giảm quá tải bệnh viện giai đoạn 2013 – 2020;

Căn cứ Quyết định số: 202/QĐ-UBND ngày 19/01/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt quy hoạch phát triển hệ thống y tế tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020;

Căn cứ công văn số: 1538/UBND-VX ngày 20/02/2017 về việc xây dựng đề án đầu tư cơ sở hạ tầng trang thiết bị từ nguồn vốn vay cho các bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số: 5364/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc điều chỉnh quy mô giường bệnh và số lượng người làm việc của các bệnh viện công lập tỉnh Thanh Hóa thực hiện theo cơ chế tự chủ, giai đoạn 2018-2020 được phê duyệt tại quyết định 2782/QĐ-UBND ngày 03/7/2018;

Căn cứ Quyết định số: 167/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt phương án xác định quy mô giường bệnh, vị trí việc làm, cơ cấu chức năng nghề nghiệp viên chức và số lượng người làm việc của bệnh viện Đa khoa Khu vực Ngọc Lặc thực hiện theo cơ chế tự chủ, giai đoạn 2018-2020;

Căn cứ tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 4470:2012 về thiết kế bệnh viện đa khoa, ban hành theo Quyết định số 3621/QĐ-BKHCN ngày 28/12/2012 của Bộ khoa học công nghệ;

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng Khu điều trị Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc số 1694/SHKĐT-VX ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa.

II. SỰ CẦN THIẾT PHẢI ĐẦU TƯ

Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc là trung tâm khám chữa bệnh có quy mô lớn khu vực miền núi phía tây tỉnh Thanh Hóa; có nhiệm vụ khám chữa bệnh, đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, đồng bào các dân tộc miền núi phía tây tỉnh Thanh Hóa, các huyện lân cận trong khu vực và đồng bào biên giới nước bạn Lào. Các huyện miền núi có dân số hơn 1 triệu người, trong đó trên 80% là dân tộc thiểu số; kinh tế, đời sống, đi lại còn nhiều khó khăn, mặt bằng dân trí còn nhiều hạn chế, nhất là các xã đặc biệt khó khăn, vùng biên giới, vùng sâu vùng xa.

Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc, có quy mô 400 giường bệnh với hơn 500 cán bộ. Bệnh nhân đến khám điều trị ngoại trú bình quân từ 600 – 750 lượt/

Đề án đầu tư XDCT: Khu điều trị Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc

ngày, bệnh nhân điều trị nội trú từ 800 đến 950 bệnh nhân/ngày. Bệnh viện đã phải kê thêm giường ở sảnh và hành lang để có thể phục vụ được thêm bệnh nhân nội trú, số giường bệnh thực kê có những thời điểm là 868 giường, bằng 2,2 lần so với quy mô 400 giường của bệnh viện, bệnh nhân phải nằm ghép giường...rất khó khăn cho việc điều trị chăm sóc bệnh nhân, sự hài lòng của người bệnh chưa được đáp ứng.

Để nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, góp phần tích cực vào công tác chăm sóc sức khỏe người dân xứng tầm là bệnh viện đa khoa hạng II, tuyến tỉnh phù hợp với tiêu chí hạ tầng chất lượng bệnh viện, dần đạt được tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 4470:2012 về thiết kế bệnh viện đa khoa nên việc đầu tư xây dựng Khu điều trị Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc đáp ứng bệnh viện quy mô 640 giường bệnh là rất cần thiết (Theo quyết định 2782/QĐ-UBND ngày 03/7/2018 của chủ tịch UBND tỉnh)

1. Tình hình kinh tế xã hội khu vực:

Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc là trung tâm của 11 huyện miền núi phía Tây Thanh Hoá, đảm đương khám chữa bệnh cho hơn 1 triệu dân, phần lớn là dân tộc thiểu số và đồng bào biên giới Việt - Lào.

Những năm đầu của thế kỷ XX, kinh tế miền núi tỉnh Thanh Hóa cơ bản là sản xuất tự cung, tự cấp. Lao động nông nghiệp chiếm tới 90%, tỷ lệ đói nghèo chiếm 60%. Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách tạo điều kiện thuận lợi để khai thác các nguồn lực để phát triển kinh tế, nâng cao dân trí, xóa đói giảm nghèo, ổn định chính trị và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng biên giới.

Do có vị trí chiến lược quan trọng cả về kinh tế - xã hội và an ninh, quốc phòng, trong những năm qua miền núi Thanh Hóa luôn nhận được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước. Công cuộc đổi mới đã trực tiếp tạo thế và lực cho miền núi phát triển trong những năm vừa qua. Đời sống nhân dân ngày càng phát triển, tỷ lệ đói nghèo giảm mạnh. Cùng với đó, nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân cũng tăng lên cả về số lượng và chất lượng.

2. Hiện trạng cơ sở vật chất hạ tầng kỹ thuật.

Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc có tổng diện tích 45.942 m² theo quyết định phê duyệt mặt bằng quy hoạch số: 77/QĐ-UB ngày 02 tháng 07 năm 2001 của UBND tỉnh và khu đất dự trữ phát triển 20.304m²; Là bệnh viện tuyến tỉnh có nhiệm vụ khám chữa bệnh cho nhân dân miền núi phía Tây Thanh Hoá và

các huyện lân cận như Thọ Xuân, Yên Định, Vĩnh Lộc, Thạch Thành và bệnh nhân nước bạn Lào. Là bệnh viện có vị trí quan trọng trong hệ thống cơ sở khám chữa bệnh khu vực miền tây Thanh Hóa, là Trung tâm chẩn đoán điều trị kỹ thuật cao, có ảnh hưởng lớn trong hệ thống y tế tỉnh nhà.

Được sự quan tâm của Đảng và nhà nước, Bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Lặc đã được UBND tỉnh Thanh Hóa quyết định Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình theo quyết định số 2077/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2006 và Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu theo quyết định số: 2340/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2008; Quyết định điều chỉnh dự án số: 4853/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2015; Cùng với sự cố gắng của đội ngũ y, bác sỹ tại bệnh viện, bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Lặc đã từng bước xây dựng được một hệ thống hạ tầng hiện đại, đồng bộ với các hạng mục hiện có:

STT	TÊN HẠNG MỤC	DIỆN TÍCH SÀN (m ²)	GHI CHÚ
I	CÁC NHÀ CHÍNH		
1	Nhà Trung tâm kỹ thuật 3 tầng	1072	Sử dụng năm 2010
2	Nhà khám đa khoa, quản lý nhà nước 2 tầng	1320	Sử dụng năm 2005
3	Nhà ngoại sản 2 tầng	1870	Sử dụng năm 2002
4	Nhà chuẩn đoán hình ảnh và các phòng chức năng 2 tầng	1150	Sử dụng năm 1993
5	Nhà Nội Nhi	3290	Sử dụng năm 2008
6	Nhà liên chuyên khoa – Đông y	2460	Sử dụng năm 2015
7	Nhà giặt là, sấy, hấp – Dược	1267	Sử dụng năm 2015
8	Khoa dinh dưỡng	502	Sử dụng năm 2018
9	Nhà tang lễ và giải phẫu bệnh lý	472	Sử dụng năm 2018
10	Khoa lây, lao	909	Sử dụng năm 2018
	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN	16450	
II	HẠ TẦNG KỸ THUẬT CHÍNH		
1	Sân đường nội bộ, vỉa hè		Đang giai đoạn hoàn thành

2	Sân vườn		Đang giai đoạn hoàn thành
3	Hệ thống cấp điện và cấp nước ngoài nhà		Đang giai đoạn hoàn thành
4	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải		Hiện có
5	Lò đốt chất thải rắn		Hiện có
III	CÁC CÔNG TRÌNH PHỤ TRỢ CHÍNH		
1	Phòng thường trực		Hiện có
2	Nhà để xe đạp, xe máy		Hiện có
3	Gara ô tô.		Hiện có
4	Hệ thống cổng chính, cổng phụ, tường rào và khuôn viên bao quanh.		Đang giai đoạn hoàn thành
	QUY MÔ GIƯỜNG BỆNH	400 (giường)	

Tuy nhiên, do sự phát triển nhanh của dân số cùng với sự phát triển về đời sống nhân dân, nhu cầu khám chữa bệnh tại khu vực ngày một tăng nhanh, quy mô 400 giường hiện có của bệnh viện đã không còn đáp ứng được. Bệnh viện đã phải kê thêm giường để có thể phục vụ được thêm bệnh nhân nội trú, số giường thực kê của bệnh viện năm 2014 là 450 giường, năm 2015 số giường thực kê là 608 giường, và đến năm 2016 số giường thực kê là 868 giường, bằng 2,2 lần so với quy mô 400 giường của bệnh viện. Với số lượng bệnh nhân nội trú dao động từ 800 đến 950 bệnh nhân, nên việc có những bệnh nhân phải nằm ghép giường là không tránh khỏi.

3. Hiện trạng công tác quản lý, và khám chữa bệnh tại bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Lặc :

3.1. Cơ cấu tổ chức các khoa, phòng và biên chế: (6 phòng chức năng và 22 khoa lâm sàng và cận lâm sàng)

TT	Tên khoa, phòng, bộ phận	Số người
a-	Ban giám đốc	04
b-	Các phòng	
1	Phòng Hành Chính quản trị	21
2	Phòng Kế hoạch tổng hợp	12

3	Phòng Tổ chức cán bộ	03
4	Phòng Tài chính- kế toán	19
5	Phòng Vật tư thiết bị y tế	06
6	Phòng Điều dưỡng	03
c-	<i>Các khoa cận lâm sàng</i>	
1	Khoa Dược	19
2	Khoa Xét nghiệm	20
3	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	27
4	Khoa Chống nhiễm khuẩn	14
d-	<i>Các khoa lâm sàng</i>	
1	Khoa Cấp cứu hồi sức	30
2	Khoa Nội tiết	19
3	Khoa Gây mê hồi sức	20
4	Khoa Ngoại	31
5	Khoa Chấn Thương	28
6	Khoa Răng Hàm Mặt	20
7	Khoa Mắt	15
8	Khoa Tai Mũi Họng	22
9	Khoa Nội	28
10	Khoa Nội tim mạch	22
11	Khoa Sản	25
12	Khoa Phụ Sản	18
13	Khoa YHCT	17
14	Khoa Phục Hồi chức năng	17
15	Khoa Truyền Nhiễm	19
16	Khoa Nhi	29
17	Khoa Khám bệnh	20
18	Khoa Thận - Lọc máu	14
	Tổng	542

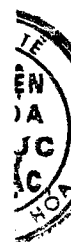
Y
H V
KH
U V
PCL
HAN

3.2. Cơ cấu nhân lực:

TT	Quy mô	Bác sỹ	Dược sỹ (ĐH, TH)	Điều dưỡng	Kỹ thuật viên	Hộ sinh	Chức danh khác
	400 giường	116	32	320	18	06	50

3.3. Trang thiết bị chuyên môn:

TT	TÊN THIẾT BỊ	Đơn vị	Số lượng	
1	Máy chạy thận nhân tạo các loại	Máy	17	
2	Máy siêu âm màu 4D	Máy	4	
3	Monitor theo dõi bệnh nhân các loại	Máy	21	
4	Máy thở các loại	Máy	11	
5	Máy chụp X quang	Máy	1	
6	Máy điện não vi tính	Máy	1	
7	Bộ phẫu thuật nội soi ổ bụng	Bộ	1	
8	Hệ thống số hóa Xquang CR	HT	1	
9	Sinh hiển vi phẫu thuật mắt	Máy	1	
10	Sinh hiển vi phẫu thuật mắt, tai mũi họng	Máy	1	
11	Lồng ấp trẻ sơ sinh	Bộ	1	
12	Máy gây mê kèm thở dùng cho người lớn và trẻ em	Máy	1	
13	Bộ nội soi trực tràng ống cứng	Bộ	1	
14	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Máy	1	
15	Máy theo dõi sản khoa	Máy	2	
16	Máy phá rung tim đồng bộ 2 pha	Máy	2	
17	Máy điều trị siêu âm kết hợp kích thích điện và điện phân thuốc	Máy	1	
18	Hệ thống kéo dẫn cột sống	HT	1	
19	Hệ thống máy tán sỏi ngoài cơ thể	HT	1	
20	Máy điện tim 6 cần	Máy	2	



21	Đèn mổ tre trần 1 bóng ánh sáng lạnh	Đèn	2	
22	Máy trợ thở	Máy	2	
23	Hệ thống điều trị tổng hợp nha khoa	HT	2	
24	Máy soi cổ tử cung kỹ thuật số	Máy	1	
25	Máy mổ mắt phaco	Máy	1	
26	Máy siêu âm mắt AB	Máy	1	
27	Máy đo độ cong giác mạc	Máy	1	
28	Bộ dụng cụ phẫu thuật Phaco	Bộ	1	
29	Máy phân tích nước tiểu 13 thông số	Máy	1	
30	Nồi hấp tiệt trùng nằm ngang	Bộ	1	
31	Kính hiển vi 2 mắt	Máy	1	
32	Hệ thống nội soi dạ dày	HT	1	
33	Bộ tán sỏi niệu quản ngược dòng	Máy	1	
34	Máy li tâm đa năng	Máy	1	
35	Máy giặt vắt tự động	Máy	1	
36	Hệ thống số hóa Xquang DR	HT	1	
37	Bộ dụng cụ phẫu thuật tiền liệt tuyến	Bộ	1	
38	Máy Xquang răng	Máy	1	
39	Máy đo khúc xạ và cong giác mạc tự động	Máy	1	
40	Dàn sắc thuốc 15 âm	Máy	1	
41	Sinh hiển vi khám mắt	Máy	1	
42	Bàn đẻ đa năng	Bàn	2	
43	Máy cắt đốt cổ tử cung	Máy	1	
44	Hệ thống máy ghế răng	HT	2	
45	Máy điện tim 3 cần	Máy	5	
46	Hệ thống nội soi phế quản	HT	1	
47	Hệ thống nội soi tiết niệu	HT	1	
48	Tủ lạnh trữ máu ≥ 120 lits	Máy	1	
49	Tủ ấm	Máy	1	
50	Máy giặt vắt tự động	Máy	1	



51	Máy xét nghiệm huyết học tự động 20 TS	Máy	1	
52	Máy trợ thở CPAP (VN sx)	Máy	1	
53	Máy chụp X quang	Máy	1	
54	Máy nội soi tai mũi họng	Máy	1	
55	Máy phân tích huyết học 18 thông số Humacount	Máy	2	
56	Máy phân tích nước tiểu 11 thông số	Máy	2	
57	Máy phân tích huyết học 24 thông số	Máy	1	
58	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động hoàn toàn	Máy	1	
59	Máy xét nghiệm điện giải 3 thông số	Máy	1	
60	Máy phân tích đông máu tự động	Máy	1	
61	Máy xét nghiệm HBA1C	Máy	1	
62	Máy chụp cộng hưởng từ	Máy	1	Liên kết
63	Máy chụp cắt lớp vi tính 32 dãy	Máy	1	Liên kết
64	Máy chụp cắt lớp vi tính 64 dãy	Máy	1	Liên kết
65	Máy tạo nhịp tim tạm thời	Máy	1	
66	Máy gây mê	Máy	4	
67	Đèn mổ treo trần 1 chóa	Máy	4	
68	Dao mổ điện	Bộ	2	
69	Bàn mổ	Máy	6	
70	Máy Laser CO2	Máy	1	
71	Hệ thống phẫu thuật nội soi ổ bụng, tiết niệu	Máy	1	
72	Máy điện não vi tính	Máy	1	
73	Máy lưu huyết não	Máy	1	
74	Máy hấp tiết trùng tự động áp lực cao 610 lít	Máy	1	
75	Máy hấp tiết trùng nhiệt độ thấp	Máy	1	
76	Máy sấy đồ vải ≥ 30 kg	Máy	1	
77	Máy điện châm	Máy	57	
78	Máy điện xung	Máy	22	
79	Đèn hồng ngoại	Máy	35	
80	Ô tô cứu thương	Cái	03	

Đề án đầu tư XDCT: Khu điều trị Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc

81	Máy phát điện 8,2 KVA	Cái	01	
82	Máy phát điện 420KVA	Cái	01	
83	Hệ thống Ôxy trung tâm	HT	01	

3.4. Tình hình điều trị bệnh nhân.

Theo khảo sát 3 năm gần đây, thực trạng đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Lặc như sau:

Năm	Quy mô bệnh viện (số giường)	Số giường thực kê	Số bệnh nhân nội trú thường xuyên
2016	400	868	750-950
2017	400	868	700-950
2018	400	868	700-900

4. Tình hình tài chính của bệnh viện.

Khảo sát tình hình tài chính của bệnh viện trong 3 năm gần đây

Đơn vị: triệu đồng

NĂM	2016	2017	2018
CÁC KHOẢN THU			
Viện phí	11,6	15,9	20,3
Bảo hiểm Y tế	117,9	144,038	155,5
Ngân sách cấp	39,046	35,379	18,9
CHI PHÍ THƯỜNG NIÊN			
Chi phí tiền lương	37,8	47,1	48,3
Khấu hao tài sản	10,6	12,9	14,5

Chi phí xây dựng, bảo dưỡng thường xuyên	21,2	20,2	6,6
--	------	------	-----

5. Nhiệm vụ và mục tiêu phát triển giai đoạn 2017-2020:

5.1. Nhiệm vụ

a. Cấp cứu, khám chữa bệnh:

- Tiếp nhận tất cả các bệnh nhân trong huyện và các cơ sở y tế của các huyện miền núi khác, các xã lân cận của huyện Thọ Xuân, Yên Định Cẩm Thủy, Thạch Thành ...và nước bạn Lào chuyển đến

- Tổ chức khám sức khỏe, chứng nhận sức khỏe theo quy định của Nhà Nước

- Giải quyết toàn bộ các bệnh nhân vào điều trị tại bệnh viện theo chức năng nhiệm vụ của một bệnh viện đa khoa khu vực miền núi. Nâng cao năng lực chuyên môn kỹ thuật của các khoa khám, chữa bệnh có thể đảm đương được các kỹ thuật chuyên sâu của một bệnh viện hạng II, đồng thời sẵn sàng chi viện cho các bệnh viện trong khu vực.

- Xây dựng cơ sở vật chất, đào tạo cán bộ kỹ thuật để có thể phối hợp với HĐGDYK, Hội đồng giám định pháp y tổ chức các hoạt động GĐSK, giám định pháp y trong khu vực.

- Chuyển bệnh nhân lên tuyến trên khi vượt quá khả năng điều trị

b. Đào tạo cán bộ y tế:

- Là cơ sở thực hành để đào tạo cán bộ y tế ở bậc sơ học và trung học

c. Nghiên cứu khoa học:

- Đánh giá các chương trình CSSKBD ở địa phương.

- Tổ chức nghiên cứu và tham gia các công trình nghiên cứu khoa học, ứng dụng các thành tựu Y học hiện đại và Y học cổ truyền và các phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc cấp bộ, ngành và cơ sở

- Kết hợp với bệnh viện tuyến trên và các bệnh viện chuyên khoa đầu ngành để phát triển kỹ thuật của bệnh viện

d. Chỉ đạo tuyến dưới về chuyên môn, kỹ thuật:

- Lập kế hoạch chỉ đạo tuyến dưới, các Trung tâm y tế trong khu vực, các phòng khám đa khoa, Y tế cơ sở thực hiện các phác đồ chẩn đoán và điều trị, sẵn sàng chỉ viện cho tuyến dưới khi có yêu cầu
- Tổ chức chỉ đạo các đơn vị y tế tuyến dưới thực hiện việc chăm sóc sức khỏe ban đầu và các chương trình y tế ở địa phương.

e. Công tác vệ sinh phòng dịch

- Phối hợp với các cơ sở y tế dự phòng, thường xuyên thực hiện nhiệm vụ phòng bệnh và phòng chống dịch
- Tổ chức tuyên truyền giáo dục sức khỏe cho cộng đồng

f. Hợp tác quốc tế

- Tham gia các chương trình hợp tác với các tổ chức và cá nhân nước ngoài theo quy định của nhà nước

g. Quản lý kinh tế Y tế

- Có kế hoạch sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước cấp và các nguồn kinh phí khác
- Tạo thêm các nguồn kinh phí từ các dịch vụ Y tế như: Viện phí, BHYT, đầu tư nước ngoài và các tổ chức kinh tế
- Thực hiện nghiêm chỉnh các chế độ của nhà nước về thu chi ngân sách bệnh viện. Từng bước thực hiện hạch toán việc thu chi ngân sách, khám chữa bệnh theo nghị định 43 của chính phủ

h. Phân tuyến điều trị

- Là tuyến điều trị của khu vực miền núi, tiếp nhận khám chữa bệnh cho hơn 1,1 triệu dân trong khu vực, làm giảm đáng kể khó khăn cho bệnh nhân khi phải chuyển tuyến tỉnh và trung ương.

5.2. Mục tiêu phát triển

Trong giai đoạn 2017-2020, mục tiêu phát triển của bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Lặc nằm trong mục tiêu phát triển chung của ngành y tế tỉnh Thanh Hóa, cùng với ngành y tế tỉnh phấn đấu chăm sóc sức khỏe cho nhân dân ngày càng tốt hơn, góp phần tăng tuổi thọ trung bình của người dân trong tỉnh cao hơn trung bình chung của cả nước, phấn đấu 100% người nghèo, nông dân, người có

thu nhập thấp có bảo hiểm y tế, được cung cấp các dịch vụ cơ bản về y tế và chăm sóc sức khỏe, nâng số giường bệnh/vạn dân, tỷ lệ bác sỹ/vạn dân cao hơn bình quân chung của cả nước, đáp ứng tốt hơn nhu cầu khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe của nhân dân.

Cụ thể hơn trong giai đoạn 2017 – 2020, bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Lặc phân đầu tăng số giường bệnh, tăng chất lượng khám chữa bệnh, đầu tư trang thiết bị kỹ thuật cao, phát triển kỹ thuật cao gắn với hiệu quả kinh tế, tạo thương hiệu, giúp người dân có điều kiện thụ hưởng dịch vụ chất lượng, an toàn ngay tại khu vực mình đang sinh sống, góp phần giảm tải cho các bệnh viện tuyến trên, tiết kiệm chi phí cho bệnh nhân, gia đình và xã hội.

Nâng cao đời sống cán bộ, y bác sỹ trong bệnh viện từ nguồn thu điều trị tự nguyện, điều trị dịch vụ kỹ thuật cao, tái đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ tốt hơn công tác điều trị.

6. Kết luận

6.1 Sự cần thiết phải đầu tư

Đầu tư hạ tầng, mở rộng quy mô bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Lặc để mở rộng phát triển các dịch vụ y tế, gia tăng khả năng thu dung, điều trị bệnh nhân, giảm tải cho hệ thống hạ tầng hiện tại đang quá tải, giải quyết nhu cầu điều trị cho nhân dân 11 huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa và biên giới Việt-Lào. Khi dự án hoàn thành đi vào hoạt động sẽ giúp người dân có điều kiện thụ hưởng dịch vụ chất lượng, an toàn ngay tại khu vực mình đang sinh sống, góp phần giảm tải cho các bệnh viện tuyến trên, tiết kiệm chi phí cho bệnh nhân, gia đình và xã hội.

Từ những nhu cầu bức thiết nêu trên, việc đầu tư xây dựng trung tâm điều trị kỹ thuật cao, tự nguyện, mở rộng quy mô bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Lặc, là vô cùng cần thiết và ý nghĩa, góp phần thực hiện đề án nâng cao chất lượng các bệnh viện tuyến huyện tỉnh Thanh Hóa, đồng thời tạo cơ chế tự chủ về kinh tế, xây dựng hệ thống y tế tỉnh Thanh Hóa từng bước hiện đại; thực hiện các mục tiêu kinh tế, xã hội nói chung và mục tiêu y tế nói riêng do Đảng, Nhà nước và của tỉnh; đáp ứng yêu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tỉnh, đóng góp tích cực trong việc thực hiện mục tiêu xây dựng Thanh Hóa trở thành tỉnh khá của cả nước vào năm 2020.

III. THÔNG TIN CHUNG CỦA DỰ ÁN

Tên dự án: Đầu tư xây dựng khu điều trị bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Lặc

Đề án đầu tư XDCT: Khu điều trị Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc

Chủ đầu tư: Bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Lặc

Mục tiêu đầu tư: Xây dựng nhà khám chữa bệnh Khu điều trị 9 tầng với quy mô 240 giường bệnh, giảm tải cho hệ thống hạ tầng hiện tại, tăng chất lượng khám chữa bệnh, giảm tỉ lệ bệnh nhân phải chuyển tuyến điều trị.

Quy mô đầu tư: Xây mới nhà khám chữa bệnh 9 tầng

Hình thức đầu tư : Đầu tư xây dựng mới.

Địa điểm xây dựng: Thị trấn Ngọc Lặc, Huyện Ngọc Lặc, Tỉnh Thanh Hóa

Nguồn vốn đầu tư: Nguồn ngân sách tỉnh và vốn đối ứng của chủ đầu tư.

Hình thức quản lý và thực hiện dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án

Dự kiến thời gian thực hiện dự án: Không quá 5 năm.

Y
HV
KH
V
CL
NH

PHẦN II

HÌNH THỨC VÀ QUY MÔ ĐẦU TƯ

I. Quy mô đầu tư

- Dự án được xây dựng trên diện tích đất có kích thước mặt bằng: 55,62m x 23,4 m.

1. Xây dựng công trình cao 09 tầng .

a. Diện tích xây dựng

- Xây dựng 01 công trình trên mặt bằng 56mx24m.

- Tầng 1+ tầng 2: Sxd=1140m²/tầng

- Tầng 3 đến tầng 9: 06 tầng Sxd=1063m²/tầng.

- Tổng diện tích sàn Sxd = 9721m²

b. Sơ đồ bố trí các phân khu chức năng như sau:

Tầng 1: Khu vực hồi sức, cấp cứu, chống độc, họp giao ban, sảnh, hồi sức phục vụ chung cho toàn bệnh viện 1140m² gồm các phòng sau:

Tên khu vực chức năng	Số lượng
- Sảnh + đợi người nhà bệnh nhân	01
- Phòng sơ cứu phân loại	01 phòng
- Phòng tạm lưu cấp cứu (03 giường/01 phòng)	10 phòng
- Phòng họp	01 phòng
- Phòng trưởng khoa	01 phòng
- Phòng bác sỹ + trực	01 phòng
- Phòng cấp cứu	01 phòng
- Thang máy vận chuyển bệnh nhân và người điều trị	01 cụm(03thang)
- Thang bộ	01 cái

- Thang thoát hiểm	02 cái
- 02 phòng vệ sinh nam nữ riêng biệt	02 phòng
- Hành lang giao thông	01 hành lang giữa

Tầng 2: Khu vực khoa sản S=1140 m² có các chức năng cụ thể như sau:

Tên khu vực chức năng	Số lượng
- Phòng trực bác sỹ	01 phòng
- Phòng trưởng khoa	01 phòng
- Phòng kho	01 phòng
- Phòng điều trị (03 giường / 01 phòng)	06 phòng
- Phòng điều trị (05 giường / 01 phòng)	03 phòng
- Phòng đẻ	02 phòng
- 02 phòng vệ sinh nam nữ riêng biệt	02 phòng
- Sảnh chính đợi	01
- Thang máy vận chuyển bệnh nhân và người điều trị	01 cụm(03thang)
- Thang bộ	01 cái
- Thang thoát hiểm	02 cái
- Hành lang giao thông	01 hành lang giữa

Tầng 3: Khu vực khoa chấn thương S=1063 m² cụ thể như sau:

Tên khu vực chức năng	Số lượng
- Phòng trực bác sỹ	01 phòng
- Phòng trưởng khoa	01 phòng
- Phòng kho	01 phòng

- Phòng điều trị (03 giường / 01 phòng)	04 phòng
- Phòng điều trị (05 giường / 01 phòng)	06 phòng
- Phòng tiểu phẫu	02 phòng
- 02 phòng vệ sinh nam nữ riêng biệt	02 phòng
- Sảnh chính đợi	01
- Thang máy vận chuyển bệnh nhân và người điều trị	01 cụm(03thang)
- Thang bộ	01 cái
- Thang thoát hiểm	02 cái
- Hành lang giao thông	01 hành lang giữa

Tầng 4: Khu vực khoa ngoại S=1063 m2 cụ thể như sau:

Tên khu vực chức năng	Số lượng
- Phòng trực bác sỹ	01 phòng
- Phòng trưởng khoa	01 phòng
- Phòng kho	01 phòng
- Phòng điều trị (03 giường / 01 phòng)	06 phòng
- Phòng điều trị (05 giường / 01 phòng)	06 phòng
- 02 phòng vệ sinh nam nữ riêng biệt	02 phòng
- Sảnh chính đợi	01
- Thang máy vận chuyển bệnh nhân và người điều trị	01 cụm(03thang)
- Thang bộ	01 cái
- Thang thoát hiểm	02 cái
- Hành lang giao thông	01 hành lang giữa

SỞ
BỘ
ĐA
KHOA
H. T.

Tầng 5: Khu vực khoa nhi S=1063 m2 cụ thể như sau:

Tên khu vực chức năng	Số lượng
- Phòng trực bác sỹ	01 phòng
- Phòng trưởng khoa	01 phòng
- Phòng kho	01 phòng
- Phòng điều trị (03 giường / 01 phòng)	06 phòng
- Phòng điều trị (05 giường / 01 phòng)	06 phòng
- 02 phòng vệ sinh nam nữ riêng biệt	02 phòng
- Sảnh chính đợi	01
- Thang máy vận chuyển bệnh nhân và người điều trị	01 cụm(03thang)
- Thang bộ	01 cái
- Thang thoát hiểm	02 cái
- Hành lang giao thông	01 hành lang giữa

Tầng 6: Khu vực khoa điều trị chất lượng cao S=1063 m2 cụ thể như sau:

Tên khu vực chức năng	Số lượng
- Phòng trực bác sỹ	01 phòng
- Phòng trưởng khoa	01 phòng
- Phòng kho	01 phòng
- Phòng điều trị (01 giường / 01 phòng)	03 phòng
- Phòng điều trị (02 giường / 01 phòng)	03 phòng
- Phòng điều trị (03 giường / 01 phòng)	03 phòng
- Phòng điều trị (04 giường / 01 phòng)	03 phòng
- 02 phòng vệ sinh nam nữ riêng biệt	02 phòng

- Sảnh chính đợi	01
- Thang máy vận chuyển bệnh nhân và người điều trị	01 cụm(03thang)
- Thang bộ	01 cái
- Thang thoát hiểm	02 cái
- Hành lang giao thông	01 hành lang giữa

Tầng 7: Khu hành chính S=1063 m2 cụ thể như sau:

Tên khu vực chức năng	Số lượng
- Phòng giám đốc	01 phòng
- Phòng phó giám đốc	03 phòng
- Trưởng phòng tài chính kế toán	01 phòng
- Phòng tài chính kế toán	01 phòng
- Trưởng phòng hành chính quản trị	01 phòng
- Phòng hành chính quản trị	01 phòng
- Trưởng phòng kế hoạch tổng hợp	01 phòng
- Phòng kế hoạch tổng hợp	01 phòng
- Phòng văn thư	01 phòng
- Trưởng Phòng tổ chức cán bộ	01 phòng
- Phòng tổ chức cán bộ	01 phòng
- Hội trường	01 phòng
- Sảnh chính đợi	01
- Thang máy vận chuyển bệnh nhân và người điều trị	01 cụm(03thang)
- Thang bộ	01 cái
- Thang thoát hiểm	02 cái

HÀNH CHÍNH

- Hành lang giao thông	01 hành lang giữa
------------------------	-------------------

Tầng 8: Khu vực khoa ngậy mê và phẫu thuật S=1063 m2 cụ thể như sau:

Tên khu vực chức năng	Số lượng
- Phòng trực bác sỹ	01 phòng
- Phòng kho sạch	01 phòng
- Phòng kho bẩn	01 phòng
- Phòng điều trị (01 giường / 01 phòng)	05 phòng
- Phòng điều trị (04 giường / 01 phòng)	01 phòng
- Phòng mổ	03 phòng
- Khu rửa vô khuẩn	01 phòng
- 02 phòng vệ sinh nam nữ riêng biệt	02 phòng
- Sảnh chính đợi	01
- Thang bộ	01 cái
- Thang thoát hiểm	02 cái
- Hành lang giao thông	01 hành lang giữa

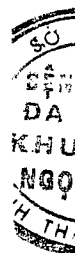
Tầng 9: Khu lưu trữ hồ sơ + hội trường:

Tên khu vực chức năng	Số lượng
- Phòng hội trường	01 phòng
- Phòng phục vụ	01 phòng
- Kho lưu trữ hồ sơ	02 phòng
- Sảnh chính đợi	01
- 02 phòng vệ sinh nam nữ riêng biệt	02 phòng

- Thang máy vận chuyển	01 cụm(03thang)
- Thang bộ	01 cái
- Thang thoát hiểm	02 cái
- Hành lang giao thông giữa	
- Thang bộ	01 cái
- Thang thoát hiểm	02 cái
- Hành lang giao thông	01 hành lang giữa

- 100% các phòng điều trị đều bố trí vệ sinh khép kín, cơ sở vật chất đồng bộ.

- Tổng số giường bệnh : 240 giường



BẢNG TỔNG HỢP KHAI TOÁN DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

ĐVT: đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Nt (%)	HỆ SỐ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
1	Chi phí xây dựng				75.571.363.636	7.557.136.364	83.128.500.000	G _{XD}
-	Chi phí phá dỡ công trình cũ				454.545.455	45.454.545	500.000.000	
-	Chi phí xây dựng công trình mới				75.116.818.182	7.511.681.818	82.628.500.000	
2	Chi phí thiết bị				20.454.545.455	2.045.454.545	22.500.000.000	G _{TB}
3	Chi phí quản lý dự án	1,966%		Nt*(CPXD_TMDT+CPTB_TMDT)	1.887.780.287	188.778.029	2.076.558.316	G _{QLDA}
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng				5.756.048.503	575.604.850	6.331.653.354	G _{TV}
4.1	Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi	0,551%		Nt*(TMDT_CPXD+TMDT_CPTB)	529.340.476	52.934.048	582.274.523	G _{TVKT}
4.2	Chi phí thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi	0,100%		Nt*(TMDT_CPXD+TMDT_CPTB)	96.274.380	9.627.438	105.901.819	
4.3	Chi phí khảo sát địa chất			Tạm tính	227.272.727	22.727.273	250.000.000	
4.4	Chi phí giám sát địa hình			Tạm tính	72.727.273	7.272.727	80.000.000	
4.5	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công	2,667%		Nt*CPXD_TMDT	2.015.510.115	201.551.012	2.217.061.127	G _{TVTKBVTC}
4.6	Chi phí thẩm tra thiết kế xây dựng	0,157%		Nt*CPXD_TMDT	118.774.461	11.877.446	130.651.907	
4.7	Chi phí thẩm tra dự toán xây dựng	0,153%		Nt*CPXD_TMDT	115.399.657	11.539.966	126.939.623	

4.8	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu tư vấn lập báo cáo khả thi	0,816%		Nt*G _{TVKT}	4.319.418	431.942	4.751.360	
4.9	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thiết kế bản vẽ thi công	0,698%		Nt*G _{TVTKBVC}	14.062.074	1.406.207	15.468.282	
4.10	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	0,160%		Nt*G _{TTC}	121.082.665	12.108.266	133.190.931	
4.11	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu mua sắm vật tư, thiết bị	0,344%		Nt*G _{TTB}	70.261.364	7.026.136	77.287.500	
4.12	Chi phí giám sát thi công xây dựng	2,133%		Nt*G _{XDtt}	1.612.132.092	161.213.209	1.773.345.301	
4.13	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	0,713%		Nt*G _{TBtt}	145.881.198	14.588.120	160.469.318	
4.14	Chi phí giám sát, đánh giá dự án đầu tư xây dựng công trình	20%		20%*G _{QLDA}	377.556.057	37.755.606	415.311.663	
4.15	Chi phí thẩm định giá thiết bị			Tạm tính	45.454.545	4.545.455	50.000.000	
4.16	Chi phí đánh giá tác động môi trường			Tạm tính	90.909.091	9.090.909	100.000.000	

Đề án đầu tư XDCT: Khu điều trị Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc

4.17	Chi phí quy đổi vốn đầu tư	0,109%		TMĐT ước tính*ĐMTL	99.090.909	9.909.091	109.000.000	
5	Chi phí khác				3.580.593.062	329.121.404	3.909.714.466	G_K
5.1	Chi phí hạng mục chung							C_{HMC}
5.2	Chi phí xây dựng nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công	1,000%		Nt*GXDtt	755.713.636	75.571.364	831.285.000	
5.3	Chi phí một số công tác không xác định được khối lượng từ thiết kế	2,500%		Nt*GXDtt	1.889.284.091	188.928.409	2.078.212.500	
5.4	Chi phí rà phá bom mìn, vật nổ			19,5 triệu x 1 ha	19.500.000		19.500.000	
5.5	Chi phí bảo hiểm công trình (TT 329/2016/TT-BTC)	0,800%		Nt*CPXD_TMDT	60.457.091		60.457.091	
5.6	Chi phí kiểm toán	0,575%		ĐMTL*TMĐT	575.000.000	57.500.000	632.500.000	
5.7	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư	0,375%	0,5	ĐMTL*TMĐT*Hệ số	187.500.000		187.500.000	
5.8	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng	0,013%		ĐMTL*TMĐT	12.500.000		12.500.000	
5.9	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu gói thầu thi công xây dựng	0,05%		ĐMTL*GTXDtt	1.000.000		1.000.000	

Đề án đầu tư XDCT: Khu điều trị Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc



5.10	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu gói thầu mua sắm, lắp đặt thiết bị	0,05%		ĐMTL*GTTBtt	1.000.000		1.000.000	
5.11	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu thi công xây dựng	0,05%		ĐMTL*GTXDtt	1.000.000		1.000.000	
5.12	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu mua sắm, lắp đặt thiết bị	0,05%		ĐMTL*GTTBtt	1.000.000		1.000.000	
5.13	Phí thẩm định dự toán xây dựng	0,094%		ĐMTL*GTXDtt	71.216.316	7.121.632	78.337.948	
5.14	Phí thẩm định PCCC	0,0052%		ĐMTL*TMĐT	5.421.927		5.421.927	
6	Chi phí dự phòng				10.676.947.831	1.067.694.783	11.744.642.614	G_{DP}
6.1	Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh và trượt giá	10,00%			10.676.947.831	1.067.694.783	11.744.642.614	G_{DP1}
	Tổng cộng:			(1)+(2)+(3)+(4)+(5)+(6)	117.927.278.774	11.763.789.976	129.691.068.749	
	LÀM TRON (G_{XDCT}):				117.927.279.000	11.763.790.000	129.691.069.000	

(Bảng chữ: Một trăm hai mươi chín tỷ sáu trăm chín một triệu không trăm sáu chín nghìn đồng chẵn ./.)

Đề án đầu tư XDCT: Khu điều trị Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc

PHẦN III

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA DỰ ÁN

I. PHƯƠNG ÁN GPMB.

Dự án được thực hiện trong khuôn viên bệnh viện. Vị trí thực hiện là khu nhà phòng tổ chức - hành chính, tài chính kế toán 02 tầng được xây dựng lắp ghép bằng panen từ năm 1993 đã xuống cấp. Chủ đầu tư phá bỏ để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án.

Trong quá trình thi công, Chủ đầu tư xây dựng khu nhà tạm cho các phòng tổ chức - hành chính, tài chính kế toán trong khuôn viên bệnh viện để đảm bảo các hoạt động của bệnh viện vẫn diễn ra bình thường.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA DỰ ÁN TỚI CẢNH QUAN, MÔI TRƯỜNG

1. Dự báo tác động tới cảnh quan, môi trường

Việc đánh giá những nguồn gây tác động môi trường cho dự án được phân chia cụ thể thành 03 giai đoạn sau:

- Giai đoạn chuẩn bị dự án.
- Giai đoạn thi công xây dựng.
- Giai đoạn dự án đi vào hoạt động.

Trong từng giai đoạn, sẽ có những nguồn gây tác động đến môi trường xã hội, môi trường tự nhiên, việc xác định các yếu tố gây tác động là cần thiết, cụ thể như sau:

Giai đoạn chuẩn bị dự án:

Để xây dựng dự án sẽ yêu cầu san lấp mặt bằng. Hoạt động này sẽ tác động nhất định đến hoạt động của bệnh viện và bệnh nhân hiện đang lưu trú.

Bên cạnh đó, quá trình san lấp mặt bằng sẽ phát tán bụi và khí thải ra môi trường gây ô nhiễm môi trường khu vực.

Giai đoạn thi công:

Trong quá trình thi công sẽ có ảnh hưởng đến tiếng ồn, môi trường nước, môi trường khí và các rác thải sinh hoạt.

Giai đoạn dự án đi vào hoạt động:

- Nước thải phát sinh do hoạt động sinh hoạt của CBCNV Trung tâm, người bệnh.

- Nước mưa chảy tràn trên toàn bộ diện tích mặt bằng khuôn viên công trình, trong quá trình chảy trên bề mặt có thể kéo theo một số các chất cặn, chất thải rắn...

- Chất thải rắn phát sinh từ các hoạt động sinh hoạt hàng ngày.

- Chất thải y tế: Bao gồm thuốc men, dược phẩm và các loại hoá chất,...

2. Biện pháp giảm thiểu tác động môi trường

Giai đoạn chuẩn bị dự án

Thực hiện quá trình thi công cuốn chiếu, đổ đất đến đâu san gạt đến đó nhằm hạn chế bụi phát tán ra môi trường.

Giai đoạn thi công

- Áp dụng các biện pháp thi công tiên tiến, cơ giới hóa các thao tác và quá trình thi công ở mức tối đa.

- Khu vực công trường, khu chứa vật liệu xây dựng được che chắn bằng tường tạm (bằng tôn) cao từ 2,5 - 3m.

- Sử dụng nhà vệ sinh di động để thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân.

- Xây dựng hệ thống thoát nước tạm thời trong khu vực dự án.

- Quản lý chất thải rắn theo đúng quy định đơn vị thu gom rác thải trên địa bàn.

Giai đoạn dự án đi vào hoạt động

Khu điều trị được xây dựng trên khu đất qui hoạch của bệnh viện. Dự án hoàn thành với khối nhà 9 tầng, 240 giường bệnh mang hình thức hiện đại, tạo nên không gian tươi mới cho bệnh viện, giúp phần giảm quá tải bệnh nhân. Dự án đi vào hoạt động sẽ mang đến tác động tích cực tới cảnh quan chung của bệnh viện.

Khi đi vào hoạt động, toàn bộ hệ thống rác thải, nước thải được bệnh viện quản lý chặt chẽ theo quy trình: rác thải và rác y tế thu gom, xử lý độc lập theo hệ thống xử lý hiện có của bệnh viện nên giảm thiểu tối đa tác hại tới môi trường. Các giải pháp bổ sung:

- + Đánh giá tác động môi trường định kỳ hàng năm.
- + Thu gom rác thải y tế theo đúng quy trình, quy trách nhiệm và có chế tài xử lý tới từng cá nhân có liên quan. Tiến hành vệ sinh khử khuẩn định kỳ.
- + Rác thải sinh hoạt của bệnh nhân được thu gom 2 lần/ngày

III. AN TOÀN TRONG XÂY DỰNG

Các giải pháp đảm bảo an toàn trong giai đoạn thi công xây dựng bao gồm:

1. Đối với công trường xây dựng

- Tổng mặt bằng công trường xây dựng phải được thiết kế và phê duyệt theo quy định, phù hợp với địa điểm xây dựng, diện tích mặt bằng công trường, điều kiện khí hậu tự nhiên nơi xây dựng, đảm bảo thuận lợi cho công tác thi công, an toàn cho người, máy và thiết bị trên công trường và khu vực xung quanh chịu ảnh hưởng của thi công xây dựng.

- Vật tư, vật liệu phải được sắp xếp gọn gàng ngăn nắp đúng theo thiết kế tổng mặt bằng được phê duyệt. Không được để các vật tư, vật liệu và các chướng ngại vật cản trở đường giao thông, đường thoát hiểm, lối ra vào chữa cháy. Vật liệu thải phải được dọn sạch, đổ đúng nơi quy định. Hệ thống thoát nước phải thường xuyên được thông thoát bảo đảm mặt bằng công trường luôn khô ráo.

- Yêu cầu đơn vị thi công phải có biển báo trên công trường theo quy định tại Điều 74 Luật Xây dựng. Tại cổng chính ra vào phải có sơ đồ tổng mặt bằng

công trường, treo nội quy làm việc. Các biện pháp đảm bảo an toàn, nội quy về an toàn phải được phổ biến và công khai trên công trường xây dựng để mọi người biết và chấp hành; những vị trí nguy hiểm trên công trường như đường hào, hố móng, hố ga phải có rào chắn, biển cảnh báo và hướng dẫn để phòng tai nạn; ban đêm phải có đèn tín hiệu.

2. An toàn về điện:

- Hệ thống lưới điện động lực và lưới điện chiếu sáng trên công trường phải riêng rẽ; có cầu dao tổng, cầu dao phân đoạn có khả năng cắt điện một phần hay toàn bộ khu vực thi công;

- Người lao động, máy và thiết bị thi công trên công trường phải được bảo đảm an toàn về điện. Các thiết bị điện phải được cách điện an toàn trong quá trình thi công xây dựng;

- Những người tham gia thi công xây dựng phải được hướng dẫn về kỹ thuật an toàn điện, biết sơ cứu người bị điện giật khi xảy ra tai nạn về điện.

3. Giai đoạn thi công xây dựng

Khi thi công xây dựng Bệnh viện sẽ giao cho Ban quản lý dự án kiểm soát đảm bảo các yêu cầu sau đây:

- Trước khi khởi công xây dựng phải có thiết kế biện pháp thi công được duyệt, trong biện pháp thi công phải thể hiện được các giải pháp đảm bảo an toàn lao động cho người lao động và máy, thiết bị thi công đối với từng công việc. Trong thiết kế biện pháp thi công phải có thuyết minh hướng dẫn về kỹ thuật và các chỉ dẫn thực hiện.

- Thi công xây dựng phải tuân thủ theo thiết kế được duyệt, tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy trình kỹ thuật. Đối với những công việc có yêu cầu phụ thuộc vào chất lượng của công việc trước đó, thì chỉ được thi công khi công việc trước đó đã được nghiệm thu đảm bảo chất lượng theo quy định.

- Biện pháp thi công và các giải pháp về an toàn phải được xem xét định kỳ hoặc đột xuất để điều chỉnh cho phù hợp với thực trạng của công trường.



- Tổ chức, cá nhân phải có đủ điều kiện năng lực phù hợp với công việc đảm nhận theo quy định. Những người điều khiển máy, thiết bị thi công và những người thực hiện các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động phải được kiểm tra huấn luyện an toàn lao động và có thẻ an toàn lao động theo quy định trước khi cho phép thi công;

- Máy, thiết bị thi công có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động phải được kiểm định, đăng ký với cơ quan có thẩm quyền theo quy định thì mới được phép hoạt động trên công trường. Khi hoạt động, máy và thiết bị thi công phải tuân thủ quy trình, biện pháp đảm bảo an toàn.

- Những người khi tham gia thi công xây dựng trên công trường phải được khám sức khỏe, huấn luyện về an toàn và được cấp phát đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân theo quy định của pháp luật về lao động.

IV. PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY:

Công tác phòng cháy chữa cháy được phân chia cụ thể làm 02 giai đoạn:

- Giai đoạn thi công xây dựng công trình
- Giai đoạn dự án đưa vào hoạt động

1. An toàn về cháy, nổ giai đoạn thi công xây dựng công trình:

- Yêu cầu nhà thầu thi công phải thành lập ban chỉ huy phòng chống cháy, nổ tại công trường, có quy chế hoạt động và phân công, phân cấp cụ thể;

- Trên công trường phải bố trí các thiết bị chữa cháy cục bộ. Tại các vị trí dễ xảy ra cháy phải có biển báo cấm lửa và lắp đặt các thiết bị chữa cháy và thiết bị báo động, đảm bảo khi xảy ra cháy kịp thời phát hiện để ứng phó.

2. An toàn về cháy, nổ giai đoạn dự án đưa vào hoạt động:

Dự án trong giai đoạn thẩm định có công tác thẩm duyệt PCCC theo quy định. Thiết kế và thi công đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của cơ quan PCCC. Bên cạnh đó, trong thời gian hoạt động của dự án, chủ đầu tư là Bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Lặc sẽ đảm bảo các điều kiện sau:

- Tiến hành bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên hệ thống PCCC theo như quy trình bảo trì nhà thầu tư vấn thiết kế đề ra;

- Thực hiện công tác kiểm tra, thẩm duyệt định kỳ công tác PCCC do Sở PCCC tổ chức hàng năm.

10/10/2019

PHẦN IV

PHÂN KỲ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Phân kỳ nguồn vốn đầu tư.

- Năm 2019-2021:

- + Chủ đầu tư bố trí nguồn vốn : 20 tỷ đồng,
- + Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ (Vốn sự nghiệp y tế) : 45,5 tỷ đồng

- Năm 2021-2023:

- + Chủ đầu tư bố trí nguồn vốn : 18,7 tỷ đồng,
- + Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ (Nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025) : 45,5 tỷ đồng

2. Tiến độ thực hiện.

- Từ tháng 04/2019 đến tháng 06/2019: Lập đề xuất đề án, trình UBND tỉnh phê duyệt chủ trương thực hiện đề án.
- Từ tháng 07/2019 đến tháng 09/2019: Lập đề án, trình UBND và HĐND tỉnh phê duyệt đề án.
- Từ tháng 10/2019 đến tháng 08/2020: Triển khai thực hiện dự án: Thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, giấy phép xây dựng, lựa chọn nhà thầu xây dựng....
- Tháng 9/2020: Khởi công xây dựng (Thời gian thi công: 27 tháng).
- Tháng 12/2022: Hoàn thành đưa dự án vào hoạt động.

PHẦN V

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ KINH TẾ XÃ HỘI CỦA DỰ ÁN

I. HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA DỰ ÁN

1. Hiệu quả về mặt kinh tế:

- Tạo thêm các nguồn kinh phí từ các dịch vụ y tế như: Viện phí, Nguồn điều trị tự nguyện chất lượng cao, Các dịch vụ điều trị kỹ thuật cao, Bảo hiểm y tế, đầu tư nước ngoài và các tổ chức kinh tế.

- Về lâu dài, việc đầu tư cơ sở hạ tầng nói chung và đầu tư khu điều trị tự nguyện chất lượng cao góp phần gia tăng nguồn thu hợp pháp, đảm bảo việc cân đối và tự chủ tài chính của Bệnh viện, đáp ứng yêu cầu hạch toán tài chính độc lập của nhà nước.

2. Hiệu quả về mặt chính trị, xã hội

Khi dự án đi vào hoạt động sẽ giảm tải đáng kể cho hệ thống hạ tầng hiện có, tăng quy mô và chất lượng phục vụ của bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Lặc, Nâng cao năng lực chuyên môn kỹ thuật của các khoa khám, chữa bệnh có thể đảm đương được các kỹ thuật chuyên sâu của một bệnh viện hạng II, đồng thời sẵn sàng chi viện cho các bệnh viện trong khu vực, giảm tải áp lực cho các bệnh viện tuyến trên, góp phần vào công cuộc xây dựng công nghiệp hóa và hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn của khu vực miền núi và của tỉnh Thanh Hóa.

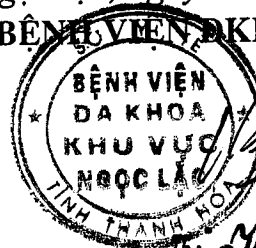
Việc xây dựng nâng cấp hạ tầng, mở rộng quy mô bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Lặc là một nhu cầu cấp bách, khắc phục tình trạng thường xuyên quá tải của bệnh viện. Đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân khu vực vùng núi phía bắc và tây bắc tỉnh Thanh Hóa.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Dự án đầu tư xây dựng Khu điều trị tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc phù hợp với định hướng chiến lược của Đảng, Nhà nước và Bộ Y tế trong việc nâng cao chất lượng công tác khám bệnh, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Dự án đầu tư xây dựng Khu điều trị – Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh; người dân có thêm sự lựa chọn trong khám bệnh, chữa bệnh; mặt khác Dự án góp phần đưa Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc trở thành Bệnh viện Đa khoa xứng đáng là Trung tâm khám chữa bệnh chất lượng cao của Tỉnh và khu vực; ngang tầm với các Bệnh viện tiên tiến trong nước, là địa chỉ đáng tin cậy của nhân dân tỉnh nhà trong lĩnh vực khám chữa bệnh.

Cùng với sự nỗ lực quyết tâm của tỉnh Thanh Hóa, sự hỗ trợ của các Bộ, ngành Trung ương, sự hợp tác giúp đỡ chuyên môn của các Bệnh viện Trung ương; việc huy động các nguồn vốn hợp pháp để triển khai thực hiện Dự án là thực sự khả thi, cần sớm đưa vào thực hiện để khai thác và phát huy hiệu quả Dự án, phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân./.

Ngọc Lặc, ngày 29 tháng 3 năm 2019
BỆNH VIỆN ĐA KHOA NGỌC LẶC



GIÁM ĐỐC

Ths. Hoàng Văn Minh

Ngọc Lặc, ngày 25 tháng 03 năm 2019

BẢN CAM KẾT

**Dự tính nguồn tiết kiệm đối ứng đầu tư xây dựng dự án
Khu điều trị bệnh nhân thuộc Bệnh viện ĐKKV Ngọc Lặc**

Kính gửi: - Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Thanh Hóa
- Sở Tài Chính Thanh Hóa
- Sở Y tế Thanh Hóa

Căn cứ tờ trình số 88/TTr – BVNL ngày 01 tháng 03 năm 2019 của Bệnh viện ĐKKV Ngọc Lặc V/v xin chủ trương đầu tư xây dựng dự án khu điều trị bệnh nhân theo phân kỳ nguồn vốn đối ứng năm 2019 – 2021.

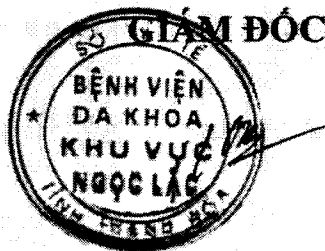
Bệnh viện ĐKKV Ngọc Lặc báo cáo tình hình nguồn tài chính cụ thể như sau:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
I	Tổng thu	182,085	198,500	201,100	203,600	
2	Thu từ nguồn NSNN cấp	18,950	18,950	15,000	0	
2	Thu viện phí	162,625	179,000	185,500	203,000	
	+ Thu từ nguồn BHYT	140,501	155,500	160,500	175,000	
	+Thu trực tiếp người bệnh	22,124	23,500	25,000	28,000	
3	Thu khác	510	550	600	600	
II	Tổng chi trong năm	138,027	149,367	152,200	156,000	
1	Chi thanh toán cá nhân	45,367	53,867	54,500	57,500	
2	Chi về hàng hóa dịch vụ	90,984	93,000	94,500	95,000	
3	Chi khác	1,676	2,500	3,200	3,500	
III	Chênh lệch thu - chi	44,058	49,133	48,900	47,600	
1	Trích chi TNTT cho cán bộ	26,474	29,480	29,340	33,320	
2	Trích lập các Quỹ	17,584	19,653	19,560	14,280	
	Trong đó trích lập					
	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp					
	Dư đầu kỳ	8,412	14,676	12,176	9,676	
	Trích lập trong kỳ	9,710	15,000	15,000	12,000	
	Sử dụng trong kỳ	3,446	2,500	2,500	3,500	
	Đối ứng khu điều trị 9 tầng	0	15,000	15,000	10,000	
	Dư cuối kỳ	14,676	12,176	9,676	8,176	

1/6
1
Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Lặc xin cam kết thực hành tiết kiệm tạo nguồn vốn đối ứng đầu tư xây dựng dự án Khu khám bệnh cho bệnh nhân theo lộ trình đã báo cáo.

Kính mong được sự quan tâm của các Sở, ban, ngành tạo điều kiện giúp đỡ Bệnh viện Ngọc Lặc được xây dựng khu điều trị bệnh nhân đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân.



Hoàng Văn Minh